TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **07**/2022/QĐST-DS	*Đức Huệ, ngày 16 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 62/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn L - Sinh năm 1964 và bà Lê Thị R - Sinh năm 1964 - Cùng địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện Đ, tỉnh A.

- *Bị đơn:* Bà Trương Thị L1 - Sinh năm 1961 và ông Trương Văn L2 - Sinh năm 1963 - Cùng địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện Đ, tỉnh A.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Lê Văn L3 - Sinh năm 1957 - Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện Đ, tỉnh A.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/3/2012 giữa ông Trương Văn L2, bà Trương Thị L1 với ông Trần Văn L, bà Lê Thị R.

- Ông Trương Văn L2 và bà Trương Thị L1 có nghĩa vụ giao cho ông Trần Văn L và bà Lê Thị R diện tích đất 526 m^2 thuộc một phần thửa 1303 tờ bản đồ số 3 xã M, huyện Đ (theo đo đạc thực tế) tức là khu B1 theo mãnh trích đo địa chính số 122-2022 ngày 27/01/2022 của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 15/02/2022). Diện tích phần đất B1 này hiện ông L, bà R đang quản lý, sử dụng. Diện tích phần đất B1 này hiện do bà Trương Thị L1 đứng tên

trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 369444 (số vào sổ 02548/QSDĐ/LA) do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày ngày 07/5/2004.

- Ông Trương Văn L2 và bà Trương Thị L1 có nghĩa vụ giao cho ông Lê Văn L3 diện tích đất 72 m^2 thuộc một phần thửa 1303 tờ bản đồ số 3 xã M, huyện Đ (theo đo đạc thực tế) tức là khu B2 theo mãnh trích đo địa chính số 122-2022 ngày 27/01/2022 của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 15/02/2022). Diện tích phần đất B2 này hiện ông L3 đang quản lý, sử dụng. Diện tích phần đất B2 này hiện do bà Trương Thị L1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 369444 (số vào sổ 02548/QSDĐ/LA) do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày ngày 07/5/2004.

- Ông Trần Văn L và bà Lê Thị R được toàn quyền sử dụng diện tích đất 526 m^2 thuộc một phần thửa 1303 tờ bản đồ số 3 xã M, huyện Đ (theo đo đạc thực tế) tức là khu B1 theo mãnh trích đo địa chính số 122-2022 ngày 27/01/2022 của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 15/02/2022).

- Ông Lê Văn L3 được toàn quyền sử dụng diện tích đất 72 m^2 thuộc một phần thửa 1303 tờ bản đồ số 3 xã M, huyện Đ (theo đo đạc thực tế) tức là khu B2 theo mãnh trích đo địa chính số 122-2022 ngày 27/01/2022 của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 15/02/2022).

Độ dài từng cạnh và vị trí tiếp giáp cụ thể của diện tích 526 m^2 (khu B1) mà ông L2 và bà L1 phải giao cho ông L và bà R và diện tích 72 m^2 (khu B2) mà ông L2 và bà L1 phải giao cho ông L3 theo Mãnh trích đo địa chính số 122-2022 ngày 27/01/2022 của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 15/02/2022, được đính kèm quyết định.

Ông L, bà R, ông L2, bà L1, ông L3 có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký để được điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bên được thi hành án làm thủ tục kê khai, đăng ký để được điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi một phần diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

2. Về lệ phí đo vẽ và chi phí thẩm định, định giá tài sản:

Tổng cộng 13.698.000 đồng. Ông L và bà R tự nguyện chịu toàn bộ 13.698.000 đồng (mười ba triệu, sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng). Ông L, bà R

đã nộp tạm ứng và chi phí xong. Ông L2, bà L1, ông L3 không phải chịu chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản.

3. Về án phí:

- Ông L và bà R tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông L, bà R đã nộp 1.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí (theo biên lai thu số 0005062 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Khấu trừ tiền án phí với tiền tạm ứng án phí ông L, bà R đã nộp. Trả lại cho ông L và bà R 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông L2, bà L1, ông L3 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC.THADS huyện Đức Huệ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên